TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**:421**/2022/KDTM-PT
Ngày: 27/7/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Vũ Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLPT-KDTM ngày 17/5/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do Bản án sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị bị đơn Công ty TNHH Kỹ Thuật H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2122/2022/QĐXX-PT ngày 31/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 8097/2022/QĐ-PT ngày 29/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 9166/2022/QĐ-PT ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ: Phường A, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1979

Địa chỉ liên hệ: Phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Kỹ Thuật H

Địa chỉ: Phường E, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1983

Địa chỉ liên hệ: Phường F, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH S-H

Địa chỉ: Phường N, Thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2018, Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH Kỹ thuật H (gọi tắt là Công ty H) có ký kết Hợp đồng số 002/HĐKT-2018 về việc cung cấp vật tư, thi công chế tạo và lắp đặt các hạng mục nhà xưởng – Gói XD3 Dự án Nhà máy S– H và Phụ lục 01 về Bảng giá chi tiết đề ngày 10/01/2018. Theo đó, Công ty H là bên giao thầu, Công ty S là bên nhận thầu cho công trình trên. Tổng giá trị hợp đồng là 19.101.569.349 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), nội dung công việc bao gồm: Cung cấp vật tư, thi công chế tạo và lắp đặt các hạng mục xưởng sơn – bắn bi (nhà số 1), xưởng xử lý fotphat (nhà số 2), xưởng thử áp (nhà số 3), xưởng gia công ống inox (nhà số 4), xưởng gia công ống carbon (nhà số 5), xưởng uốn ống (nhà số 6), nhà ăn/nhà văn phòng (nhà số 7), nhà xe, trạm bơm, trạm điện, bể xử lý nước, nhà vệ sinh 1&2. Thời hạn hoàn thành công trình là trước ngày 15/04/2018.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty H đã tạm ứng cho Công ty S tổng số tiền là 5.209.518.913 đồng, cụ thể ngày 05/02/2018 tạm ứng số tiền là 2.000.000.000 đồng, ngày 08/03/2018 tạm ứng số tiền là 3.209.518.913 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã cố gắng sản xuất, vận chuyển và lắp dựng các căn nhà kết cấu thép đúng tiêu chuẩn chất lượng và tiến độ trước 15/04/2018. Tuy nhiên, Công ty H luôn có nhiều yêu cầu, hối thúc Công ty S thực hiện nhanh việc xây dựng một cách bất khả thi so với sự tính toán, bố trí nhân sự, nguyên vật liệu của Công ty S. Công ty H đã ban hành Công văn số 009/CV-HH-BOD-2018 có nội dung thông báo từ ngày 15/03/2018 Công ty H sẽ đơn phương thay đổi giá trị giao cho Công ty S thực hiện, đồng thời đưa nhân công và máy móc thiết bị vào để hỗ trợ thực hiện đảm bảo tiến độ, chi phí sẽ được khấu trừ vào các đợt thanh toán theo hợp đồng mà không có sự đồng ý của Công ty S. Và Công ty H cũng không thanh toán như thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty S. Điều này dẫn đến việc chậm thực hiện tiến độ dự án và công trình khó đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn mà hai bên thỏa thuận là trước ngày 15/04/2018. Sau đó, Công ty H lại quy kết hết trách nhiệm cho Công ty S mà không xem xét đến hành vi của Công ty H mới là nguyên nhân dẫn đến việc chậm tiến độ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H có nhu cầu mua và sơn nhà số 2. Tại biên bản làm việc số 20032018-BBH ngày 20/03/2018, hai bên tiếp tục trao đổi và xác nhận việc phát sinh giá trị sơn trên email, sẽ ký phụ lục Hợp đồng sau để đảm bảo thời gian làm việc. Giá trị công việc phát sinh được xác định là 250.800.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Ngày 13/04/2018, Công ty H thông báo chuyển toàn bộ Nhà số 3 – Xưởng thử áp giao cho đơn vị khác. Đồng thời, yêu cầu Công ty S cung cấp đầy đủ

nguyên, vật liệu đối với nhà số 1, 2, 6. Công ty S vẫn thực hiện việc giao đầy đủ các hạng mục khung kết cấu, xà gồ, bao che nhà 4, 5, 7, 1, 2, đồng thời gửi Công văn ngày 20/04/2018 trao đổi và đề nghị Công ty H thực hiện trách nhiệm thanh toán để tiếp tục công việc tiếp theo.

Ngày 03/5/2018, Công ty S đã bàn giao hồ sơ thanh toán cho Công ty H, theo quy định tại khoản 6.4 Điều 6 Hợp đồng, công ty H có nghĩa vụ phải thanh toán cho S trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, tuy nhiên Công ty H đã không thực hiện.

Do Công ty H không thực hiện thanh toán và đã đưa các nhà thầu khác vào thi công, từ ngày 20/4/2018 Công ty S không thể thực hiện tiếp công việc, Hợp đồng giữa các bên kết thúc phần thực hiện thi công, chuyển sang giai đoạn quyết toán, thanh toán. Công ty S đã nhiều lần yêu cầu nghiệm thu và gửi hồ sơ quyết toán để ký xác nhận nhưng Công ty H đều không thực hiện.

Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty S nên Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty S, cụ thể:

+ Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại theo hợp đồng và phát sinh từ hợp đồng số 002/HĐKT-2018 là 11.626.082.584đồng, đã bao gồm VAT, (trong đó: Đợt 1 hồ sơ thanh toán gửi đến Công ty H ngày 04/5/2018 yêu cầu thanh toán khối lượng công việc đã được nghiệm thu ngày 25/3/2018 với số tiền là 3.806.672.315đồng; đợt 2 hồ sơ thanh quyết toán đã được gửi đến Công ty H trước đó nhưng lần gần nhất là ngày 12/10/2018 yêu cầu thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng số tiền là 7.819.410.269 đồng và số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng là 250.800.000 đồng).

+ Lãi chậm thanh toán theo Điều 306 luật thương mại trước đây do không thể tự thu thập lãi nên tạm tính là 15%/năm, tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố đã thu thập được lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là 14,935%/năm, tương đương 1,245%/tháng, cụ thể: Lãi của số tiền 3.806.672.315 đồng tính từ ngày 04/6/2018 đến hết ngày 31/3/2022 là 45,9 tháng, tính ra là 3.806.672.315đồng x 1,245%/tháng x 45,9 tháng = 2.175.341.928 đồng; Lãi của số tiền 7.819.410.269đồng tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 31/3/2022 là 40,6 tháng, tính ra là 7.819.410.269 đồng x 40,6 tháng x 1,245%/tháng = 3.952.477.309 đồng, tổng tiền lãi là 6.127.819.237đồng, yêu cầu Công ty TNHH Kỹ thuật H tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 01/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 8% nguyên đơn xin rút lại.

Như vậy, tổng số tiền Công ty H phải thanh toán cho Công ty S bao gồm gốc và lãi tính đến ngày 31/3/2022 là 17.753.901.821 đồng, yêu cầu thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lưu Thị Hoàng M, Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Công ty H xác nhận có ký kết với Công ty S Hợp đồng kinh tế số 002/HĐKT-2018 ngày 10/01/2018, tổng giá trị hợp đồng số 002/HĐKT-2018 là 19.101.569.349 đồng (đã bao gồm thuế GTGT); khối lượng công việc Công ty S

chưa thực hiện là 2.516.767.852đồng (chưa thuế là 2.287.970.775 đồng); khối lượng công việc nguyên đơn đã thực hiện là 16.584.801.497 đồng đã bao gồm thuế GTGT, Công ty H đã tạm ứng cho Công ty S tổng số tiền là 5.209.518.913 đồng, chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại theo hợp đồng là 11.375.282.584 đồng; số tiền nợ theo giá trị công việc phát sinh từ hợp đồng số: 002/HĐKT-2018 đã bao gồm VAT là 250.800.000 đồng theo đúng nội dung mà người đại diện hợp pháp của Công ty S vừa trình bày.

Theo Hợp đồng đã ký thì Công ty S phải bắt đầu thi công xây dựng hạng mục công trình kể từ ngày phát lệnh khởi công và hạng mục công trình phải hoàn thành trước ngày 15/04/2018. Tuy nhiên, trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, Công ty S đã không đảm bảo về tiến độ công trình đã thỏa thuận trong Hợp đồng, Công ty H nhiều lần họp cũng như phát hành công văn yêu cầu Công ty S phải thực hiện đúng theo cam kết nhưng Công ty S vẫn không thực hiện. Ngày 09/04/2018, Công ty S gửi Công ty H công văn số 0904/SB-HHE/18 đề xuất kế hoạch cung cấp vật tư và cung cấp kết cấu lắp dựng, tuy nhiên tiến độ này vi phạm nghiêm trọng tiến độ trong Hợp đồng đã được hai bên ký kết do đó Công ty H không chấp thuận. Do tiến độ thi công quá chậm trễ so với thời gian mà Công ty H cam kết với chủ đầu tư dự án nên Công ty H đã công văn số 017/CV-HH-BOD-018 ngày 13/04/2018 cho Công ty S để thông báo việc Công ty H giao cho đơn vị khác tiếp tục thực hiện các hạng mục mà Công ty S đang thực hiện dở dang và các hạng mục Công ty S chưa thực hiện. Điều này dẫn đến hệ quả là Công ty H phải trả mức giá thi công các hạng mục này cho các đơn vị khác cao hơn so với hợp đồng đã ký với Công ty S, tiến độ công trình bị kéo dài dẫn đến phát sinh nhiều chi phí khác như chi phí quản lý, vận hành để hoàn tất dự án.

Do đó, Công ty H có đơn phản tố yêu cầu cụ thể như sau:

Yêu cầu bồi thường thiệt hại: Giá trị công trình mà Công ty S chưa thực hiện là 2.287.970.775 đồng, Công ty H thanh toán cho các đơn vị này là 2.881.010.694 đồng. Như vậy số tiền chệnh lệch, Công ty H bị thiệt hại là 593.039.919 đồng; chi trả chi phí quản lý 15% trên giá trị công ty H thuê đơn vị khác thực hiện là 2.881.010.694 * 15% = 432.151.604 đồng; tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 1.025.191.523 đồng.

Yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng: Theo đơn phản tố thì Công ty H yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng 8%/ tổng giá trị hợp đồng là 1.389.205.044 đồng. Tại phiên tòa bị đơn thay đổi cụ thể: Theo hợp đồng thì nguyên đơn phải bàn giao trước 15/4/2018 nhưng theo công văn số 1204/SB-HHE/18 ngày 12/4/2018 của Công ty S thời gian giao đến ngày 30/4/2018 thể hiện nguyên đơn chậm tiến độ là 02 tuần. Mục 14.2.1 Điều 14 của hợp đồng số 002/HĐKT-2018 thì "*…tiền phạt được tính bằng 1% tổng giá trị hợp đồng nhân với số ngày bị chậm trễ nhưng tổng mức phạt tối đa bằng 8% tổng giá trị hợp đồng* …" do đó, nguyên đơn bị phạt là 2% với số tiền: 17.365.063.045đồng x 2% = 347.301.261 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty S phải thanh toán cho Công ty H là 1.372.492.783 đồng. Số tiền này sẽ được cấn trừ vào phần nghĩa vụ mà công ty H phải thanh toán cho Công ty S.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH S– H; người đại diện hợp pháp là ông Kang Shin J – Giám đốc điều hành và ông Nguyễn Văn H – Tổng Giám đốc có ý kiến như sau:

Trong vụ án về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" giữa Công ty Cổ phần S với Công ty TNHH kỹ thuật H, Công ty TNHH S– H không có liên quan. Hiện tại Công ty TNHH S– H đang hoạt động bình thường, Công ty không có thiệt hại gì, không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án nêu trên. Do không có liên quan và không có thời gian nên Công ty TNHH S– H yêu cầu vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng: Hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi làm việc, xét xử.

Bản án sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S:

1.1. Buộc Công ty TNHH kỹ thuật H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S nợ gốc và lãi chưa thanh toán theo hợp đồng số 002/HĐKT-2018 ngày 10/01/2018 và công việc phát sinh từ Hợp đồng số 002/HĐKT-2018 ngày 10/01/2018 là 16.381.409.038đồng, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 8%/giá trị bị phạm tạm tính từ ngày 03/6/2018 đến hết ngày 29/10/2019 là 930.086.606 đồng của Công ty Cổ phần S.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần S thanh toán cho Công ty TNHH kỹ thuật H số tiền là 1.372.492.783 đồng, số tiền này đã được cấn trừ vào nghĩa vụ thanh toán Công ty TNHH kỹ thuật H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S nêu trên.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/4/2022, bị đơn Công ty TNHH Kỹ Thuật H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng

thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn .

[1.1] Về số tiền khối lượng công trình số tiền 11.626.082.584 đồng mà Công ty S đã thi công:

[1.1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty H xác nhận tổng số tiền khối lượng công trình đã thi công mà Công ty H còn nợ Công ty S là 11.626.082.584 đồng như đã trình bày ở phiên tòa sơ thẩm. Mặt khác, đại diện Công ty H xác nhận số tiền 11.626.082.584 đồng là số tiền mà đại diện Công ty H đã tự tính toán và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm và số tiền này đã được đại diện Công ty S chấp nhận. Như vậy, nay Công ty H kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại số tiền này và không chấp nhận hoàn trả cho nguyên đơn số tiền trên với lý do hai bên chưa thực hiện nghiệm thu công trình là không có cơ sở xem xét.

[1.1.2] Mặt khác, tại Điều 4 của hợp đồng hai bên đã thỏa thuận: *"Bên A tổ chức nghiệm thu trong vòng 03 ngày kể từ ngày bên B có văn bản đề nghị nghiệm thu và theo khối lượng thực tế thi công công trình, đáp ứng tiến độ, có đủ hồ sơ theo qui định và có đề nghị của bên, hạng mục chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo kỹ thuật chất lượng theo các tiêu chuẩn hiện hành "*. Đồng thời, theo các chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện Công ty S đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty H nghiệm thu công trình, nhưng Công ty H không thực hiện nghiệm thu để thanh toán cho Công ty S là cố tình kéo dài thời gian thanh toán, do đó Công ty H cho rằng chưa thực hiện nghiệm thu nên không đồng ý thanh toán số tiền đã thi công của Công ty S là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là hoàn toàn phù hợp. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm hai bên xác nhận trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, thì khối lượng công

trình mà Công ty S thi công đã được nghiệm thu và đã đưa vào sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[1.2] Đối với việc Công ty H yêu cầu không tính lãi chậm trả và không chấp nhận thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán với lý do là trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã chậm trễ trong quá trình thi công nên gây thiệt hại cho Công ty H.

[1.2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, đối với phần thiệt hại do thi công chậm với tiến độ, Công ty H đã có đơn phản tố yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại là 1.372.492.783 đồng, và việc này đã được Công ty S chấp nhận thanh toán. Như vậy, phần thiệt hại của H đã được Công ty S hỗ trợ bồi thường thiệt hại theo đúng các yêu cầu của Công ty H và đúng theo Điều 14 về điều khoản phạt hợp đồng.

[1.2.2] Công ty H đã yêu cầu phạt vi phạm đối với Công ty S thì Công ty H cũng phải tuân thủ điều khoản phạt vi phạm do chậm thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận tại Điều 14 của hợp đồng. Và Điều 14.2.2 đã qui định trong trường hợp bên A chậm thanh toán cho bên B thì Bên A phải chịu mức lãi suất tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính từ ngày quá hạn thanh toán. Xét thấy điều khoản thỏa thuận này không trái với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2.3] Về mức lãi phạt thì tại mục 14.2.2 Điều 14 của Hợp đồng số 002/HĐKT-2018, Điều 306 Luật Thương mại 2005 và Điều 11 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Tòa cấp sơ thẩm đã thu thập lãi suất của ba Ngân hàng để tính mức lãi suất trung bình là 9.957% năm và mức lãi quá hạn 14.935%/năm là hoàn toàn phù hợp và đúng qui định.

[1.2.4] Về thời hạn thanh toán tiền phạt căn cứ Điều 6 của HĐ số 002/HĐKT-2018 và các chứng cứ khác thì thời hạn thanh toán của số tiền 3.806.672.315 đồng là ngày 03/6/2018; thời hạn thanh toán của số tiền 7.819.410.269 đồng là ngày 12/11/2018. Như vậy, tổng số tiền lãi phát sinh nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.217.819.237 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[2] Từ các nhận định nêu trên, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh là 6.217.819.237 đồng là hoàn toàn phù hợp nên xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu phản tố đòi số tiền bồi thường thiệt hại của bị đơn là 1.372.492.783 đồng đã được nguyên đơn chấp nhận toàn bộ. Nhưng cấp sơ thẩm lại ghi là ghi nhận sự tự nguyện là không đúng, cần phải viết lại cho đúng là chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Các phần khác của bản án do bị đơn không có yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử giữ nguyên.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu số tiền án phí phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Kỹ Thuật H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2022/KDTM-ST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản án cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S:

1.1. Buộc Công ty TNHH kỹ thuật H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S nợ gốc và lãi chưa thanh toán theo hợp đồng số 002/HĐKT-2018 ngày 10/01/2018 và công việc phát sinh từ Hợp đồng số 002/HĐKT-2018 ngày 10/01/2018 là 16.381.409.038 đồng, thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 8%/giá trị bị phạm tạm tính từ ngày 03/6/2018 đến hết ngày 29/10/2019 là 930.086.606 đồng của Công ty Cổ phần S.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Kỹ Thuật H đối với yêu cầu Công ty cổ phần S phải thanh toán cho Công ty TNHH kỹ thuật H số tiền bồi thường thiệt hại do chậm thi công là 1.372.492.783 đồng, số tiền này đã được cấn trừ vào nghĩa vụ thanh toán Công ty TNHH kỹ thuật H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S nêu trên.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 53.174.783 đồng được trừ vào tạm ứng án phí do Công ty cổ phần S đã nộp là 59.826.342 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0037896 ngày 30/01/2019 và số tiền 47.025.266 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0039349 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại cho Công ty cổ phần S số tiền là 53.676.825 đồng.

Công ty TNHH kỹ thuật H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 125.753.902 đồng được trừ vào tạm ứng án phí do Công ty TNHH kỹ thuật H đã nộp là 40.143.966 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0039027 ngày 23/8/2019. Như vậy, Công ty TNHH kỹ thuật H còn phải nộp số tiền là 85.609.936 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH kỹ thuật H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH kỹ thuật H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0031339 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình ;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh